

Bản án số: 19/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 31/5/2024

V/v Ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VÕ NHAI, TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Hoàng Kim Tuấn.

- **Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông Tạ Việt Hồng.

2. Ông Lý Ba Duy.

Thư ký phiên tòa: Bà Kim Thị Thanh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 36/2024/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2024 về việc “Ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Chị **Trịnh Thị Thùy L** – Sinh năm 1998.

Địa chỉ: **Xóm V, xã L, huyện V, Thái Nguyên.**

Dân tộc: Kinh; Văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Kinh doanh.

(Có mặt)

* **Bị đơn:** Anh **Nguyễn Văn S** – Sinh năm 1996.

Địa chỉ: **Xóm V, xã L, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.**

Dân tộc: Kinh; Văn hóa: 09/12; Nghề nghiệp: Tự do.

(Vắng mặt lần 2 không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị **Trịnh Thị Thùy L** trình bày:

Chị khởi kiện anh **Nguyễn Văn S** - Địa chỉ: **Xóm V, xã L, huyện V, tỉnh Thái Nguyên** khởi kiện lý do xin ly hôn.

Chị và anh **Nguyễn Văn S** lấy nhau và đăng ký kết hôn với nhau năm 2016 tại **UBND xã L, huyện V, Thái Nguyên.**

Quá trình chung sống anh chị có 02 con chung là cháu **Nguyễn Bảo N** – Sinh ngày 27/12/2015 và cháu **Nguyễn Thị Hiền N1** – Sinh ngày 17/02/2021.

Về tài sản chung: Chị không kê khai và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị và anh **S** không vay ai và cho ai vay.

Về nguyên nhân xin ly hôn: Ban đầu lấy nhau vợ chồng rất hạnh phúc, sau đó luôn xảy ra mâu thuẫn không thể hòa hợp ảnh hưởng trực tiếp đến cuộc sống của chị và con cái, vợ chồng đã ly thân hơn 01 năm nay.

Nay chị yêu cầu Tòa án được ly hôn anh **S**.

Về con chung: Chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu **Nguyễn Thị Hiền N1**, không yêu cầu anh **S** cấp dưỡng nuôi con. Anh **S** sẽ có trách nhiệm nuôi cháu **Nguyễn Bảo N**.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn anh Nguyễn Văn S trình bày:**

Anh bị chị **Trịnh Thị Thùy L** - Địa chỉ: **Xóm V, xã L, huyện V, tỉnh Thái Nguyên** khởi kiện lý do xin ly hôn.

Anh và chị **Trịnh Thị Thùy L** lấy nhau và đăng ký kết hôn với nhau năm 2015 tại **UBND xã L, huyện V, tỉnh Thái Nguyên**.

Quá trình chung sống anh chị có 02 con chung là cháu **Nguyễn Bảo N** – Sinh ngày 27/12/2015 và cháu **Nguyễn Thị Hiền N1** – Sinh ngày 17/02/2021.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị và anh **S** không vay ai và cho ai vay.

Về nguyên nhân xin ly hôn: Anh không biết lý do gì chị **L** xin ly hôn anh. Anh vẫn yêu thương chị **L** và có trách nhiệm với gia đình. Nay chị **L** yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, anh không đồng ý. Anh muốn chị **L** suy nghĩ lại về vợ chồng đoàn tụ cùng nuôi dạy con cái.

Trường hợp Tòa án buộc anh và chị **L** ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con. Nếu không được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung buộc Tòa án phải chia, anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được trực tiếp nuôi cháu **Nguyễn Bảo N**. Nếu được nuôi con anh không yêu cầu chị **L** cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn thực hiện đúng, bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình trong vụ án dân sự và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, cụ thể:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Trịnh Thị Thùy L**, yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với anh **Nguyễn Văn S**.

- Về quan hệ vợ chồng: Cho chị **Trịnh Thị Thùy L** ly hôn anh **Nguyễn Văn S**.

- Về con chung: Giao cháu **Nguyễn Thị Hiền N1** – Sinh ngày 17/02/2021 cho chị **Trịnh Thị Thùy L** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu **Nguyễn Bảo N** – Sinh ngày 27/12/2015 cho anh **Nguyễn Văn S** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho chị **L** và anh **S** vì hai bên đương sự không yêu cầu. Anh **S** và chị **L** có các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.
- Về án phí: Chị **L** phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật giải quyết: Đây là vụ án hôn nhân gia đình, về việc ly hôn giữa chị **Trịnh Thị Thùy L** và anh **Nguyễn Văn S**.

[2] Về tư cách chủ thể: Chị **Trịnh Thị Thùy L** khởi kiện anh **Nguyễn Văn S** nên chị **Trịnh Thị Thùy L** là nguyên đơn, anh **Nguyễn Văn S** là bị đơn trong vụ án.

[3] Về yêu cầu xin ly hôn của chị **L**: Chị **L** và anh **S** lấy nhau hoàn toàn tự nguyện và đăng ký kết hôn năm 2016 tại **UBND xã L, huyện V, tỉnh Thái Nguyên** nên hôn nhân là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là cháu **Nguyễn Bảo N** – Sinh ngày 27/12/2015 và cháu **Nguyễn Thị Hiền N1** – Sinh ngày 17/02/2021.

Về nguyên nhân ly hôn: Theo chị **L** ban đầu lấy nhau vợ chồng rất hạnh phúc, sau đó luôn xảy ra mâu thuẫn không thể hòa hợp ảnh hưởng trực tiếp đến cuộc sống của chị và con cái, vợ chồng đã ly thân hơn 01 năm nay.

Theo anh **S** anh không biết lý do gì chị **L** xin ly hôn anh. Anh vẫn yêu thương chị **L** và có trách nhiệm với gia đình. Nay chị **L** yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, anh không đồng ý. Anh muốn chị **L** suy nghĩ lại về vợ chồng đoàn tụ cùng nuôi dạy con cái.

Theo biên bản xác minh nguyên nhân phát sinh tranh chấp ly hôn của Tòa án tại địa phương xác định vợ chồng chị **L** và anh **S** phát sinh nhiều mâu thuẫn, đã ly thân một thời gian.

Xét cuộc hôn nhân giữa chị **L** và anh **S** đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, nên cần chấp nhận yêu cầu của chị **L** cho chị **L** ly hôn anh **S**.

[4] Về con chung:

Anh **S** và chị **L** có 02 con chung là cháu **Nguyễn Bảo N** – Sinh ngày 27/12/2015 và cháu **Nguyễn Thị Hiền N1** – Sinh ngày 17/02/2021. Chị **L** có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu **Nguyễn Thị Hiền N1**, không yêu cầu anh **S** cấp dưỡng nuôi con, anh **S** sẽ có trách nhiệm nuôi cháu **Nguyễn Bảo N**.

Anh **S** có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con, nếu không được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung buộc Tòa án phải chia, anh **S** yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được trực tiếp nuôi cháu **Nguyễn Bảo N**. Nếu được nuôi con anh không yêu cầu chị **L** cấp dưỡng nuôi con.

Ý kiến của cháu **N** có nguyện vọng được ở với bố nếu bố mẹ ly hôn.

Trên cơ sở nguyện vọng, điều kiện nuôi dưỡng, giới tính và tuổi của con chung, Hội đồng xét xử thấy giao cháu **Nguyễn Bảo N** – Sinh ngày 27/12/2015 cho anh **Nguyễn Văn S** trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu **Nguyễn Thị Hiền N1** – Sinh ngày 17/02/2021 cho chị **Trịnh Thị Thùy L** trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về vấn đề cấp dưỡng: Do hai bên đương sự đều không yêu cầu nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho chị **L** và anh **S**. Chị **L** và anh **S** có các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị **Trịnh Thị Thùy L** phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

[7] Xét ý kiến về việc giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên tại phiên tòa là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28; 35; 39; 147; 227; 228; 271; 273 và 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Cho chị **Trịnh Thị Thùy L** được ly hôn anh **Nguyễn Văn S**.

2. Về con chung: Giao cháu **Nguyễn Bảo N** – Sinh ngày 27/12/2015 cho anh **Nguyễn Văn S** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu **Nguyễn Thị Hiền N1** – Sinh ngày 17/02/2021 cho chị **Trịnh Thị Thùy L** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn: Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho chị **L** và anh **S** vì hai bên đương sự không yêu cầu.

Về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ sau khi ly hôn: Chị **L** và anh **S** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Anh **S** cũng như các thành viên trong gia đình không được cản trở chị **L** thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu **Nguyễn Bảo N**; Chị **L** cũng như các thành viên trong gia

đình không được cản trở anh **S** thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu **Nguyễn Thị Hiền N1**.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị **Trịnh Thị Thùy L** phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị **Trịnh Thị Thùy L** đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Võ Nhai theo biên lai số 0006565 ngày 20 tháng 3 năm 2024.

(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.)

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Võ Nhai;
- Chi cục THADS huyện Võ Nhai;
- UBND xã Liên Minh;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hoàng Kim Tuấn